

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-PT
Ngày 30 - 12 - 2022
V/v Ly hôn, chia tài sản chung
công nợ giữa bà H và ông G.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Văn Tùng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Mai Hương

Bà Vũ Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Lê Huân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLPT-HNGĐ ngày 09-11-2022 về tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung công nợ.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 186/2022/HNGĐ-ST ngày 23-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2022/QĐXXPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm: 1955; Nơi thường trú: Xóm 1, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định. Nơi tạm trú: Xóm 18, xã T, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Huy H, sinh năm 1953; Nơi thường trú: Xóm 1, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định. Nơi tạm trú: Số nhà 11, khu Đ, thị trấn M, T, Hải Phòng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Nguyễn Thị S - Luật sư Công ty luật TNHH V thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1975; Nơi thường trú: Xóm 18, xã T, huyện H, tỉnh Nam Định;

2. Chị Đoàn Thị Thanh T1 sinh năm 1977; Nơi thường trú: Xóm 1, xã L, huyện H, tỉnh Nam Định;

3. Anh Đoàn Hữu C, sinh năm 1979; Nơi thường trú: Phòng 1910, chung cư B số 19, phường P, quận H, thành phố Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị T1, anh C:* Chị Đoàn Thị T, sinh năm 1975; Nơi thường trú: Xóm 18, xã T, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị H là nguyên đơn, ông Đoàn Huy G là bị đơn trong vụ án

Tại phiên toà phúc thẩm: Bà H, Luật sư S, chị T, anh C có mặt. Ông G, chị T1 vắng mặt có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2022 và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn bà Trần Thị H, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông G đăng ký kết hôn năm 1974 tại UBND xã L, huyện H, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng mua đất làm nhà, chung sống tại xóm 1, xã L. Từ năm 1994, ông G đi làm kinh tế tại xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Cũng từ thời điểm đó, ông G phát sinh tình cảm và có 01 con riêng với người phụ nữ khác; ông G chỉ về quê một đôi ngày khi gia đình có công việc trọng đại. Mỗi lần về, ông G có về nhà nhưng không sinh hoạt cùng mẹ con bà H. Bà H, ông G chấm dứt quan hệ tình cảm, sinh lý từ năm 1996 cho đến nay. Mặc dù mẹ con bà H, các anh chị em trong gia đình ông G đều biết việc ông G chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác, chứng kiến việc ông G hoàn toàn không có trách nhiệm gì với mẹ con bà H trong suốt thời gian dài nhưng vì hạnh phúc, tương lai của các con, bà H không làm đơn ly hôn với ông G, không gây khó khăn cho cuộc sống, công việc làm ăn của ông G. Từ đầu năm 2022, ông G thường xuyên vô cớ chửi bới, xúc phạm, đòi chia tiền, đe dọa khiến bà H phải đến ở cùng con gái. Do bà H, ông G đã ly thân từ năm 1996 đến nay, các con chung đều đã ổn định gia đình, ông G không thay đổi tâm tính nên bà H đề nghị ly hôn với ông G.

Về con chung: Bà H và ông G có 3 con chung là chị Đoàn Thị T, sinh năm 1975; chị Đoàn Thị Thanh T1, sinh năm 1977; anh Đoàn Hữu C, sinh năm 1979. Hiện cả ba con chung đều đã trưởng thành, lập gia đình ở riêng nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Năm 2006, cần tiền đầu tư làm ăn, ông G đã nói với bà H tạo điều kiện để ông G vay số tiền 150.000.000đ tại Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn huyện H (Agribank H). Sau khi vay, ông G trả được 60.000.000đ tiền gốc và lãi đến ngày 11-9-2006 thì không trả gốc và lãi nữa. Do vi phạm nghĩa vụ trả lãi, ông G không ở nhà, Agribank H đã nhiều lần đến nhà yêu cầu mẹ con bà

H trả gốc và lãi còn lại theo thỏa thuận. Ngoài ra, Agribank H còn làm thủ tục kê biên tài sản là nhà đất tại xóm 1 xã L để gây sức ép buộc bà H phải nhờ các con vay chạy trả nợ. Số tiền chị T, chị T1, anh C đã vay để trả nợ cho Agribank tổng cộng là 90.000.000đ tiền gốc và lãi mức 1,28%/tháng kể từ tháng 12 năm 2006.

Năm 2011, Nhà nước đền bù quyền sử dụng đất được 168.000.000đ. Do từ khi ra Hải Phòng ở, ông G không gửi tiền, không có trách nhiệm gì trong việc nuôi dạy các con nên bà H đã phải vay mượn để trang trải cuộc sống sinh hoạt. Vì vậy, số tiền nhận đền bù, bà H cùng các con đã sử dụng một phần tu sửa nhà ở và trang trải cho việc chi tiêu sinh hoạt.

Năm 2021, ông G, bà H bán toàn bộ nhà đất tại xóm 1 xã L được số tiền 5,5 tỷ đồng. Khi đó, ông G nói chỉ lấy số tiền 1 tỷ còn lại để mẹ con lo chỗ ở và cho 3 con mỗi người một phần. Anh C là con trai ông G đã chuyển vào tài khoản cho ông G số tiền 1 tỷ đồng. Ông G lấy tiền ra Hải Phòng tiếp tục chung sống với người phụ nữ khác. Số tiền còn lại bà H đang quản lý. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền bán nhà đất, bà H, ông G đã hứa cho 3 con mỗi người 900.000.000đ nhưng đến nay chưa thực hiện.

Ngoài ra, cuối năm 2021, bà H, anh C, chị T1, chị T đã bàn nhau mua một thố đất tại xóm 18 xã T xây nhà để bà H có chỗ ở và các con lấy chỗ đi về. Do ông G không về đoàn tụ với bà H, mặc dù đã ly thân nhưng trên giấy tờ ông G vẫn là chồng bà H, sợ liên quan đến tài sản nên mẹ con bà H đã thống nhất bỏ tiền mua đất làm nhà riêng, làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất riêng tên bà H, chị T, chị T1, anh C.

Nay bà H đề nghị Tòa án công nhận nhà đất tại xóm 18 xã T hiện bà H đang ở là tài sản riêng của bà H, chị T, chị T1, anh C, không liên quan đến ông G; xác định số tiền 5,5 tỷ là tài sản chung vợ chồng; xác nhận số tiền 90.000.000đ nợ gốc anh C, chị T, chị T1 đã bỏ ra trả Ngân hàng và tiền lãi 1,28%/tháng từ tháng 12 năm 2006 đến nay là nghĩa vụ chung vợ chồng. Sau khi trừ nghĩa vụ chung, trừ số tiền cho 3 con mỗi con 900.000.000đ, số tiền còn lại chia bà H hưởng 6 phần, ông G hưởng 4 phần. Do ông G đã lấy 1 tỷ nên phần ông G được chia từ tài sản chung sẽ bị trừ đi số tiền 1 tỷ đồng.

* Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Đoàn Huy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông G kết hôn với bà H vào năm 1974 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Do tính chất công việc nên ông G thường xuyên đi làm xa nhà, ở tại T, Hải Phòng và chỉ về nhà vào các ngày có công việc trọng đại. Quá trình chung sống, do công việc làm ăn không thuận lợi nên năm 2006, ông G cùng bà H đã vay tại Agribank H số tiền 150.000.000đ, mới trả được 60.000.000đ, số gốc và lãi còn lại từ tháng 12 năm 2006 chưa trả. Do Agribank H đòi nợ, đòi kê biên nhà đất nên bà H đã nhờ ba con vay mượn tiền để trả. Cũng do làm ăn thua lỗ không có tiền đưa về nên ông G bị

mẹ con bà H coi thường, khinh rẻ. Việc hai bên thỏa thuận bán nhà đất được 5,5 tỷ đồng, việc ông G đã lấy số tiền 1 tỷ đồng trả nợ như bà H khai là đúng. Tuy nhiên, ông G khẳng định không tuyên bố cho, không làm hợp đồng tặng cho mỗi con số tiền 900.000.000đ như bà H khai. Việc ông G lấy trước số tiền 1 tỷ là để trang trải các khoản nợ làm ăn cá nhân, còn lại vẫn giao bà H tạm giữ.

Cuối năm 2021, bà H cùng ba con mua đất, làm nhà nhưng không bàn bạc, ý định tách ông G ra khỏi gia đình nên ông G không biết chi phí cho việc mua đất, xây nhà hết tổng bao nhiêu tiền. Từ tháng 3 năm 2022, ông G và bà H mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H độc đoán về kinh tế, mỗi lần ông G về thì không đưa tiền cho ông G chi tiêu cá nhân nên hai bên có xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông G nhất trí ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông G công nhận vợ chồng có 3 con chung như bà H trình bày. Do các con đã trưởng thành nên ông G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Về khối tài sản chung, nợ chung, tài sản riêng của bà H và anh C, chị T, chị T1 như bà H trình bày ông G nhất trí. Ông G cũng đề nghị Tòa án xác định tài sản chung trị giá 5,5 tỷ đồng; số tiền 90.000.000đ và lãi từ tháng 12 năm 2006 đến nay theo mức 1,28%/tháng là nợ chung; nhà đất tại xóm 18 xã T bà H đang ở là tài sản riêng của bà H và 3 con; chấp nhận số tiền nhận đền bù 168.000.000đ bà H đã chi tiêu sinh hoạt hết; công nhận đã lấy 1 tỷ đồng trong khối tài sản chung; nhất trí chia tài sản chung cho bà H hưởng 6/10 phần, ông G hưởng 4/10 phần nhưng không chấp nhận yêu cầu của bà H và 3 con về việc cho mỗi con số tiền 900.000.000đ.

* Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Hữu C, chị Đoàn Thị T, chị Đoàn Thị Thanh T1 cùng ý kiến trình bày: Việc ông G, bà H ly hôn anh C, chị T, chị T1 đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Nay chị T, chị T1, anh C đều yêu cầu Tòa án buộc ông G, bà H phải trả số tiền gốc 90.000.000đ và lãi mức 1,28%/tháng từ tháng 12 năm 2006 đến nay, giao chị T nhận toàn bộ số tiền này, không yêu cầu xác định quyền lợi riêng của từng người. Ngoài ra, sau khi bán nhà đất tại xóm 1 xã L, ông G, bà H đều công bố cho ba con mỗi con số tiền 900.000.000đ, yêu cầu ông G phải thực hiện lời hứa. Về nhà đất tại xóm 18 xã T như bà H đã trình bày, chị T, chị T1, anh C đề nghị Tòa án công nhận là tài sản riêng của bà H cùng 3 con.

* Tại đơn đề nghị, bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Đoàn Văn T2 trình bày: Ngày 01 tháng 4 năm 2006, ông T2 nhờ ông G mang 5830 lít dầu diesel trị giá 43.725.000đ đến giao cho công ty Hoàng Anh. Ông G chẳng những không giao mà đem bán lấy tiền tiêu không trả cho ông T2. Ngày 26-12-2015, ông G nhờ ông T2 vay số tiền 15.000.000đ. Đến ngày 08-4-2021, ông G trả cho ông T2 số tiền 30.000.000đ. Do tiền vốn kinh doanh dầu, tiền đưa ông G vay ông T2 đều đi vay mượn nên ông T2

yêu cầu ông G trả cả gốc và lãi theo thỏa thuận tổng cộng cả hai khoản nợ trên sau khi đã trừ số tiền 30.000.000đ còn lại là 180.325125 đồng.

* Ông G công nhận có vay của ông T2 số tiền 15.000.000đ nhưng khi vay hai bên không thỏa thuận về lãi. Sau khi bán nhà đất, ông G đã nhờ bà H giao ông T2 30.000.000đ gồm 15.000.000đ tiền vay và 15.000.000đ coi như cảm ơn ông T2 giúp ông G trong lúc khó khăn. Tuy nhiên, ông G không công nhận mang dầu đi giao cũng như bán dầu của ông T2 lấy tiền tiêu. Vì vậy, ông G không nhất trí trả nợ theo yêu cầu của ông T2.

* Tại biên bản lấy lời khai, người làm chứng ông Đoàn Văn X, ông Đoàn Văn T2 trình bày: Ông X, ông T2 đều là em trai ông G. Ông X, ông T2 công nhận lời khai của bà H về thực trạng hôn nhân, về công sức đóng góp vào khối tài sản chung và lý do dẫn đến mâu thuẫn gia đình giữa bà H và ông G. Mặc dù ông G và bà H ly thân, ông G không có trách nhiệm với mẹ con bà H đã gần 30 năm nay nhưng bà H vẫn làm tròn bổn phận đối với cha mẹ, gia đình ông G nên anh em ông G vẫn coi bà H là người của gia đình. Việc bà H xin ly hôn ông G, ông X, ông T2 không có ý kiến gì nhưng đều đề nghị Tòa án chia tài sản chung của ông G, bà H theo yêu cầu của bà H để đảm bảo quyền lợi cho mẹ con bà H.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông G, Luật sư Nguyễn Thị S trình bày luận cứ bảo vệ: Nhất trí với ý kiến, yêu cầu của ông G. Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa bà H, ông G. Xác định số tiền 5,5 tỷ đồng là tài sản chung vợ chồng bà H, ông G trong đó ông G đã lấy 1 tỷ đồng, còn lại bà H đang quản lý. Công nhận khoản tiền 90.000.000đ nợ gốc và lãi 1,28%/tháng kể từ tháng 12 năm 2006 đến nay của anh C, chị T, chị T1 là nợ chung ông G, bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử cân đối giữa tài sản chung, nợ chung và chia tài sản chung cho bà H 6/10 phần, ông G 4/10 phần, buộc bà H có trách nhiệm trả nợ chung và thanh toán cho ông G.

Tại bản án số 186/2022/HNGĐ-ST ngày 23-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định quyết định. Căn cứ các Điều 33, 43, 46, 51, 55, 59, 60, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 463; 466; 468; 471 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Đoàn Huy H.

2. Về tài sản riêng: Công nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 387, tờ bản đồ số 22, diện tích 117m² tại xóm 18, xã T, huyện H, tỉnh Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 314495 ngày 03 tháng 11 năm 2021 tên người sử dụng gồm: Bà Trần Thị H, chị Đoàn Thị T, chị Đoàn Thị Thanh T1, anh Đoàn Hữu C và công trình xây dựng trên thửa đất này là tài sản riêng của bà Trần Thị H, chị Đoàn Thị T, chị Đoàn Thị Thanh T1, anh Đoàn Hữu C.

3. Về phân chia tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ tài sản:

- Bà Trần Thị H phải thanh toán trả ông Đoàn Huy H số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng);

- Bà Trần Thị H phải thanh toán trả chị Đoàn Thị T số tiền 308.572.800đ (ba trăm linh tám triệu năm trăm bảy hai nghìn tám trăm đồng).

4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Đoàn Văn T2 về việc buộc ông Đoàn Huy H thanh toán số tiền 180.325.125đ (một trăm tám mươi triệu ba trăm hai lăm nghìn một trăm hai lăm đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và biện pháp thi hành án của các đương sự.

Ngày 06-10-2022 bà Trần Thị H là nguyên đơn trong vụ án có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định sửa một phần bản án sơ thẩm buộc ông Đoàn Huy H có nghĩa vụ trả nợ cho bà Đoàn Thị T số tiền 308.572.800đ, không chấp nhận yêu cầu của bị đơn tuyên bà H không có nghĩa vụ hoàn trả cho ông G số tiền 1.000.000.000đ.

Ngày 05-10-2022 ông Đoàn Huy H là bị đơn trong vụ án có đơn kháng cáo về chia tài sản chung. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xem xét lại bản án của Tòa án cấp sơ thẩm về phần tài sản để ông G đỡ thiệt thòi.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông G vẫn giữ nguyên nội dung đã trình bày tại cấp sơ thẩm, giữ nguyên nội dung trong đơn kháng cáo về phần chia tài sản chung cho bà H 6/10 phần, ông G 4/10 phần, ông G không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H. Đề nghị HĐXX phúc thẩm xét xử phân chia tài sản chung của bà H và ông G theo quy định của pháp luật, công nhận khoản nợ 308.572.800đ của chị Đoàn Thị T là nợ chung.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, về quan hệ tình cảm, chia tài sản chung và công nợ như phần trình bày tại cấp sơ thẩm, bà không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông G, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung của vụ án: Xác nhận số tiền 90.000.000đ nợ gốc anh C, chị T, chị T1 đã bỏ ra trả Ngân hàng và tiền lãi 1,28%/tháng từ tháng 12 năm 2006 đến nay là nghĩa vụ chung vợ chồng ông G, bà H. Tổng số tiền bán nhà đất được 5.500.000.000đ Sau khi trừ nghĩa vụ chung 308.572.800đ, số tiền còn lại 5.191.427.200đ đề nghị chia bà H hưởng 6 phần là 3.114.856.320đ, ông G hưởng 4 phần trong tổng khối tài sản chung là 2.076.570.880đ. Do ông G đã lấy 1 tỷ nên phần ông G được chia tài sản chung phần còn lại là 1.076.570.880đ. Tòa án cấp sơ

thẩm chỉ buộc bà H phải thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho ông G là 1.000.000.000đ thiếu đi số tiền 76.570.880đ. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông G, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 BLTTDS sửa bản án sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng. Kháng cáo của bà H là không có căn cứ chấp nhận. Án phí phúc thẩm đề nghị giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Đoàn Huy H là bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Đoàn Thị Thanh T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có văn bản uỷ quyền cho chị Đoàn Thị T tham gia tố tụng ở Toà án các cấp. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Đoàn Huy H, bà Trần Thị H làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 272; khoản 1 Điều 273; Điều 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết.

[3] Xét kháng cáo của ông Đoàn Huy H, bà Trần Thị H về phân chia tài sản chung của vợ chồng thấy rằng: Đến nay cả bà H, ông G đều thống nhất xác định tài sản chung vợ chồng là số tiền 5,5 tỷ đồng, ông G giữ 1 tỷ đồng, bà H giữ 4,5 tỷ đồng, ngoài ra không còn tài sản gì khác. Xét yêu cầu của các đương sự trong việc phân chia tài sản thì thấy: Căn cứ lời khai thừa nhận của các đương sự; lời khai người làm chứng là các con, các em trai ông G; biên bản xác minh tại địa phương; kết quả ủy thác thu thập chứng cứ có đủ cơ sở khẳng định trong quá trình chung sống ông G không có trách nhiệm với bốn mẹ con, bà H đã một mình nuôi các con khôn lớn, trưởng thành, chăm lo, làm tròn bổn phận với cha mẹ và gánh vác gia đình thay ông G, bà H có công sức gìn giữ, tôn tạo, quản lý phần nhà đất là tài sản chung của vợ chồng từ năm 1996 đến năm 2021 trước khi chuyển nhượng cho người khác. Tổng số tiền bán nhà đất được 5.500.000.000đ Sau khi trừ nghĩa vụ chung 308.572.800đ, số tiền còn lại 5.191.427.200đ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà H, ông G trong việc phân chia tài sản chung, chia tài sản chung của bà H, ông G thành 10 phần, bà H hưởng 6 phần bằng số tiền 3.114.856.320đ, ông G hưởng 4 phần bằng số tiền 2.076.570.880đ là phù hợp pháp luật. Do ông G đã lấy 1 tỷ nên phần ông G được chia tài sản chung phần còn lại là 1.076.570.880đ. Toà án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà H phải thanh toán tiền chênh lệch chia tài sản cho ông G là 1.000.000.000đ thiếu đi số tiền 76.570.880đ mới đủ 40% giá trị tài sản là làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông G nên căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 BLTTDS có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông G, cần sửa bản án sơ thẩm về việc phân chia tài sản chung cho phù hợp pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của chị T, chị T1, anh C trong việc yêu cầu ông G, bà H thực hiện lời hứa cho mỗi con số tiền 900.000.000đ thì thấy: Mặc dù bà H chấp nhận

yêu cầu của các con, đề nghị ông G cho mỗi con số tiền 900.000.000đ nhưng ông G không chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm, chị T, chị T1, anh C đều không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông G, bà H công bố cho hoặc lập văn bản tặng cho các con mỗi người số tiền 900.000.000đ. Do vậy, yêu cầu của bà H, chị T, chị T1, anh C về việc chia chị T1, chị T, anh C mỗi người số tiền 900.000.00đ từ tài sản chung của bà H, ông G không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ tài sản: Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất xác định: Anh C, chị T, chị T1 đã vay mượn để trả Agribank H số tiền gốc 90.000.000đ và lãi theo thỏa thuận cho ông G, bà H. Bà H, ông G tự nguyện chấp nhận trả lãi số tiền gốc 90.000.000đ cho ba con mức 1,28%/tháng từ tháng 12 năm 2006 đến nay. Anh C, chị T1, chị T đề nghị tính lãi theo mức lãi suất cao kể từ tháng 12 năm 2006 và đề nghị ông G, bà H trả cho chị T, không đề nghị xác định quyền của chị T1, anh C trong số tiền này. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh C, chị T1, chị T đều không chứng minh được mức lãi suất thực tế đi vay. Hơn nữa, mức lãi suất cao mà các đương sự yêu cầu không phù hợp quy định của pháp luật hiện hành; mức lãi suất bà H, ông G đưa ra là tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp cho các đương sự nên cần chấp nhận. Vì vậy, buộc bà H, ông G phải có nghĩa vụ trả cho chị T số nợ gốc 90.000.000đ và tiền lãi tính theo mức 1,28%/tháng kể từ tháng 12 năm 2006 đến nay bằng 218.572.800đ; tổng cả gốc và lãi bằng 308.572.800đ. Toàn bộ kháng cáo của bà H là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Qua những phân tích nêu trên đã cho thấy những kết luận trong bản án sơ thẩm là chưa hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã chia tài sản chung cho bà H hơn 60%, ông G chưa được 40% giá trị tài sản chung là chưa theo đúng ý chí của bà H và ông G, cách phân chia tài sản chung của Tòa án cấp sơ thẩm đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông G. Do đó có căn cứ sửa lại án sơ thẩm về chia tài sản chung cho phù hợp với các quy định của pháp luật.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên ông Đoàn Huy H, không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Kháng cáo của bà Trần Thị H không được chấp nhận đáng lẽ bà H phải nộp án phí dân sự phúc thẩm nhưng trong vụ án này cả bà H và ông G đều là người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông G, bà H đều được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

[8] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Sửa bản án sơ thẩm số 186/2022/HNGĐ-ST ngày 23-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định.

Căn cứ Điều 147; Điều 148; khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 33; Điều 37; Điều 43; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 60 và Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị H và ông Đoàn Huy H.

2. Về tài sản riêng: Công nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 387, tờ bản đồ số 22, diện tích 117m² tại xóm 18, xã T, huyện H, tỉnh Nam Định đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 314495 ngày 03 tháng 11 năm 2021 tên người sử dụng gồm: Bà Trần Thị H, chị Đoàn Thị T, chị Đoàn Thị Thanh T1, anh Đoàn Hữu C và công trình xây dựng trên thửa đất này là tài sản riêng của bà Trần Thị H, chị Đoàn Thị T, chị Đoàn Thị Thanh T1, anh Đoàn Hữu C.

3. Về phân chia tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ tài sản:

- Bà Trần Thị H phải thanh toán trả ông Đoàn Huy H số tiền 1.076.570.000đ (một tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng);

- Bà Trần Thị H phải thanh toán trả chị Đoàn Thị T số tiền 308.572.800đ (ba trăm linh tám triệu năm trăm bảy hai nghìn tám trăm đồng).

4. Nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Đoàn Văn T2 về việc buộc ông Đoàn Huy H thanh toán số tiền 180.325.125đ (một trăm tám mươi triệu ba trăm hai lăm nghìn một trăm hai lăm đồng).

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị H, ông Đoàn Huy H được miễn án phí dân sự sơ thẩm;

- Hoàn lại cho ông Đoàn Văn T2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.508.000đ (bốn triệu năm trăm linh tám nghìn đồng) tại biên lai số 0006232 ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

7. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị H, ông Đoàn Huy H không phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Văn Tùng

